

Bản án số: 03/2018/HNGĐ - ST

Ngày: 07/3/2018.

*Về việc: “Ly hôn,
tranh chấp nuôi con”*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHỔ YÊN, TỈNH THÁI NGUYÊN

Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hà Thị Thu Thủy

- Các hội thẩm nhân dân

1. Ông Nguyễn Hồng Hải.

2. Ông Nguyễn Bá Quyền.

- Thư ký phiên tòa: Bà Tạ Thị Dung – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phổ Yên tham gia phiên tòa: Lê Phường Thùy – Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 3 năm 2018, tại hội trường Tòa án nhân dân thị xã PY, tỉnh T N, xét xử công khai sơ thẩm vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 330/2017/TLST - HNGĐ ngày 28 tháng 11 năm 2017 về “ Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 21/01/2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Mai Thị Thu H, sinh năm 1985

Hộ khẩu thường trú: Xóm Tr - CL, xã YX, huyện YY, tỉnh ND.

Nơi làm việc: Công ty cổ phần dược phẩm HG – 71 NCT - LH - ĐĐ - HN.

Bị đơn: Anh Dương Văn H1, sinh năm 1984

Hộ khẩu thường trú: Xóm Tr - CL, xã YX, huyện YY, tỉnh ND.

Nơi làm việc: Phòng HC - D25- Sư đoàn 312 đóng trên địa bàn xã TT, thị xã PY, tỉnh TN.

(Chị H, anh H1 có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 22/11/2017, bản tự khai, biên bản hòa giải, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Mai Thị Thu H trình bày: Chị và anh Dương Văn H1 tự nguyện kết hôn với nhau từ tháng 10 năm 2012. Có đăng ký kết hôn tự nguyện tại Ủy ban nhân dân xã HC – HT – TH vào ngày 06/10/2012 (khi đăng ký kết hôn anh H1 đang đóng quân tại TH và quê chị cũng ở TH). Sau khi kết hôn vợ chồng chỉ ở gần nhau vài ngày sau đó anh H1 ở TH còn chị thì ở HN, thỉnh thoảng vợ chồng mới gặp nhau. Tình cảm vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến tháng 7 năm 2013 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh H1 không tu chí, chơi bời nên dẫn đến việc nợ nần, chị cùng gia đình đã nhiều lần phải thu xếp tiền để trả nợ cho anh, không những thế anh còn không quan tâm đến gia đình vợ con, thể hiện qua việc: Anh là bộ đội, đóng quân xa nhà nhưng mỗi khi về đến nhà anh không chia sẻ công việc gia đình, việc chăm sóc con với chị mà suốt ngày anh nằm trên giường sử dụng điện thoại, chị nói thì anh bảo: “ Tao ở đơn vị đã mệt mỏi rồi nên về nhà phải nghỉ ngơi...”. Một mình chị phải vất vả để chăm sóc, nuôi dạy các con, bên cạnh đó thỉnh thoảng anh còn hay xúc phạm đến chị và gia đình chị, nhiều lần anh còn đánh chị. Vì các con chị cũng đã chịu đựng và cho anh nhiều cơ hội để anh sửa chữa, thay đổi, nhưng anh vẫn không nhận ra sai lầm, khuyết điểm, song chị nhận thấy anh không hề thay đổi thể hiện trong những năm vợ chồng chung sống với nhau tiền lương của anh chủ yếu chỉ dùng để trả nợ khoản vay của riêng anh, không phụ giúp gì cho chị trong việc lo cuộc sống gia đình và nuôi các con. Vì thế chị không thể chịu đựng được nên đã sống ly thân với anh từ tháng 10 năm 2017 đến nay. Nay chị xác định không còn tình cảm với anh và không thể cùng anh chung sống được nữa nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H1.

Về con chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng có hai con chung là: Dương Khánh Th, sinh ngày 07/3/2013 và Dương Minh B, sinh ngày 10/7/2015 hiện nay hai con đang ở với chị. Nay ly hôn chị có nguyện vọng được nuôi cả hai con và yêu cầu anh Hưởng cấp dưỡng nuôi con cùng chị 3.000.000đ/ 2 con/1 tháng cho đến khi các con trưởng thành 18 tuổi.

Về tài sản chung: Trong quá trình chung sống, vợ chồng chị không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung, các khoản cho vay chung: Trong quá trình chung sống, vợ chồng chị không cho ai vay mượn gì và cũng không nợ gì ai, Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, biên bản hòa giải, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn anh Dương Văn H1 trình bày: anh xác định lời khai của chị H về thời gian đăng ký kết hôn, quá trình kết hôn nhưng trên là đúng. Tình cảm vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc không có mâu thuẫn gì ngoài việc trong

quan điểm sống và cách sống đôi khi có những bất đồng nên thỉnh thoảng có xảy ra việc cãi, nói nhau. Anh công nhận có thời gian khi anh đóng quân ở trong TH anh mắc sai lầm khuyết điểm về việc nợ nần nhưng anh đã khắc phục được và hoàn thiện bản thân, tiền dùng để trả nợ không phải là của chị H mà là của gia đình anh. Thời gian gần đây anh thấy chị H có nhiều thay đổi thể hiện ở chỗ khi anh ở đơn vị về, anh nấu cơm và bảo chị ăn thì chị lại nói không ăn rồi đi ăn thứ khác, vì không kìm chế được hôm đó anh cũng đã đánh chị, trong những năm vợ chồng ở cùng nhau anh cảm nhận thấy chị H không toàn tâm toàn ý với anh và gia đình anh. Đến tháng 10 năm 2017 vợ chồng sống ly thân nhau. Nay chị H đã làm đơn xin ly hôn anh. Quá trình Tòa án giải quyết vụ án trong các lần hòa giải anh xác định vẫn còn tình cảm với chị H, anh mong chị H suy nghĩ lại để vợ chồng về đoàn tụ, chứ anh không muốn ly hôn vì con của anh chị còn nhỏ. Nhưng thời gian vừa qua anh cũng đã cố gắng níu kéo, hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng chỉ từ một phía, anh về đưa tiền cho chị thì chị nói không cần, gia đình anh có việc hiếu chị chỉ đưa con về rồi đi luôn... Vì vậy anh xác định đến nay anh không còn chút tình cảm nào với chị nữa, nếu chị không xin ly hôn anh thì anh cũng làm đơn xin ly hôn với chị. Tại Phiên tòa anh cũng đề nghị Tòa án công nhận cho anh chị được thuận tình ly hôn.

Về con chung: Đúng như chị H trình bày, quá trình chung sống, vợ chồng có hai con chung là: Dương Khánh Th, sinh ngày 07/3/2013 và Dương Minh B, sinh ngày 10/7/2015 hiện nay hai con đang ở với chị H. Nay ly hôn nguyện vọng của anh là được nuôi cả hai con, còn nếu không được thì anh đề nghị được nuôi cháu Dương Khánh Th còn để chị nuôi cháu Dương Minh B vì cháu B chưa được 3 tuổi. Anh nuôi con và không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Đúng như chị H trình bày. Trong quá trình chung sống vợ chồng anh không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung, các khoản cho vay chung: Trong quá trình chung sống, vợ chồng không cho ai vay mượn gì và cũng không nợ gì của ai, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Biên bản xác minh ngày 06/02/2018 giữa Tòa án với ông Lê Ngọc V- tiểu đoàn trưởng D25 (tiểu đoàn 25), Sư đoàn 312 cung cấp như sau: Anh Dương Văn H1 là quân nhân đóng quân và sinh hoạt tại D25 (tiểu đoàn 25), Sư 312 đóng quân trên địa bàn xã TT, thị xã PY, tỉnh Thái Nguyên. Anh H1 đang làm việc và sinh hoạt tại đơn vị quân đội, nên nơi ăn chốn ở gặp nhiều khó khăn, nếu anh H1 nhận trực tiếp nuôi con thì sẽ phải có sự hỗ trợ của gia đình, về mức lương của anh Hưởng là 5.000.000đ. Anh H1 hiện tại được cấp phòng làm việc và sinh hoạt tại phòng làm việc, đơn vị không có tập thể riêng dành cho hộ gia đình.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại các Điều 26,35,39,68,96,97,195,203,205,208,209,210,211 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Mai Thị Thu H và anh Dương Văn H1.

Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 81,82,83 của Luật Hôn nhân gia đình: Giao hai con chung cháu Dương Khánh Th và cháu Dương Minh B cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Anh H1 được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được cản trở việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của anh H1.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 84, Điều 110 của Luật Hôn nhân gia đình. Anh H1 có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi hai con chung cho đến khi hai con trưởng thành đủ 18 tuổi. Mức cấp dưỡng căn cứ, xem xét đến điều kiện, thu nhập thực tế, khả năng kinh tế của anh H1 để áp dụng mức cấp dưỡng cho phù hợp. Buộc anh Dương Văn H1 có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật cho chị Mai Thu H cho đến khi cháu Th và cháu B trưởng thành đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung, các khoản cho vay chung: Không xem xét giải quyết.

Về án phí: Căn cứ Điều 27 Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Nguyên đơn chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, anh Hưởng phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1]. Về thủ tục tố tụng - Thủ tục thụ lý đơn khởi kiện: Ngày 27 tháng 11 năm 2017 chị Mai Thị Thu H có đơn gửi đến Tòa án. Ngày 28/11/2017 Tòa án thụ lý đơn. Đảm bảo theo quy định tại khoản 3 Điều 191 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là vụ án Hôn nhân và gia đình về yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung giữa nguyên đơn là chị Mai Thị Thu H với bị đơn là anh Dương Văn H1, Hộ khẩu thường trú: Xóm Tr- CL, xã YX, huyện Y Y, tỉnh ND. Hiện anh H1 đang sinh sống và làm việc tại: Phòng Hậu Cần, Tiểu Đoàn 25, Sư đoàn 312 đóng tại địa bàn xã TT, thị xã Phổ Yên, tỉnh TN. Căn cứ Điều 28,

35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự, xác định thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã PY, tỉnh Thái Nguyên.

[2]. *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Mai Thị Thu H và anh Dương Văn H1 đủ điều kiện kết hôn, có đăng ký kết hôn tự nguyện tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền, là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc yêu thương nhau được gần hai năm sau đó phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn xuất phát từ việc anh H1 không tu chí, chơi bời nên dẫn đến việc nợ nần, chị cùng gia đình đã nhiều lần phải thu xếp tiền để trả nợ cho anh. Không những thế anh còn không quan tâm đến gia đình vợ con, vợ chồng thường xuyên xảy ra việc cãi nói mắng nhau, Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị H1 vẫn giữ nguyên quan điểm xin được ly hôn với anh H1 vì xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, anh chị đã sống ly thân nhau từ tháng 10/2017 đến nay. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa anh H1 thừa nhận trong quá trình chung sống anh đã từng mắc sai lầm về việc nợ nần, nhưng anh cũng đã khắc phục được và có lần nóng nảy không kiềm chế được anh đã đánh chị, anh cảm nhận vợ chồng chung sống cùng nhau nhiều năm nhưng chị không toàn tâm, toàn ý với anh và gia đình anh. Mặc dù vậy quá trình giải quyết vụ án anh xác định vẫn còn tình cảm với chị H và mong muốn chị H suy nghĩ lại để vợ chồng đoàn tụ, nuôi dạy các con chứ anh không muốn ly hôn. Song tại phiên tòa anh trình bày thời gian vừa qua anh đã cố gắng thuyết phục và đưa ra nhiều phương án để hàn gắn tình cảm vợ chồng, nhưng chỉ từ một phía, thời gian gần đây nhà anh có việc hiếu nhưng chị chỉ đưa con về, sau đó chị đi luôn. Vì vậy anh xác định chị đã hết tình với anh và gia đình anh. Nay anh xác định không còn tình cảm với chị H. Chị Hiền xin ly hôn anh, anh nhất trí thuận tình ly hôn với chị H. Phía chị H cũng xác định không còn tình cảm với anh H1 nữa nên đề nghị Tòa án công nhận cho anh chị được thuận tình ly hôn. Xét thấy tại phiên tòa ngày hôm nay chị H và anh H1 đều xác định không còn tình cảm với nhau, không thể cùng nhau chung sống được nữa nên đều đề nghị Tòa án công nhận cho anh chị được thuận tình ly hôn. Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của chị H và anh H1 là hoàn toàn tự nguyện và cũng phù hợp với pháp luật nên công nhận cho chị Mai Thị Thu H và anh Dương Văn H thuận tình ly hôn là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3]. *Về con chung*: Trong quá trình chung sống, chị H và anh H1 đều xác định vợ chồng có 02 con chung là: Dương Khánh Th, sinh ngày 07/3/2013 và Dương Minh B, sinh ngày 10/7/2015. Nay ly hôn chị H có nguyện vọng được nuôi cả hai con và yêu cầu anh H1 cấp dưỡng nuôi con cho chị 2.000.000đ/1con/1 tháng cho đến khi các con trưởng thành 18 tuổi. Tại phiên tòa chị thay đổi đề nghị anh H1 cấp dưỡng nuôi con cho chị 1.500.000đ/1con/1 tháng. Phía anh H1 cũng đề nghị

được nuôi cả hai con và không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con. Còn nếu không được thì anh đề nghị được nuôi cháu Dương Khánh Th còn để chị H nuôi cháu B vì cháu B chưa được 3 tuổi.

Quá trình giải quyết vụ án chị H đã cung cấp bản lương của chị, thể hiện chị hiện công tác tại: Công ty cổ phần dược phẩm HG – 71 NCT - LH - ĐĐ - HN, thu nhập bình quân tiền lương của chị là 7.000.000 đồng/ tháng. Từ khi sinh con đến nay vì anh là bộ đội nên chị là người trực tiếp nuôi dạy các con, cả hai con của chị cũng đang ở cùng chị và theo học tại trường học mầm non HM - HN (trường tư) gần chỗ ở và nơi công tác của chị, chị làm việc theo giờ hành chính, các con của chị đều đang học bán trú tại trường, sáng chị đưa các con đến trường rồi đi làm, buổi chiều chị đón các con về và mẹ con thường xuyên ở với nhau.

Đối với anh H1, Tòa án đã đến nơi công tác của anh H1 để xác minh được ông Lê Ngọc V - Tiểu đoàn trưởng Tiểu đoàn 25 – Sư 312 là người trực tiếp quản lý anh H1 cung cấp: anh H1 hiện đóng quân tại sư 312, Tiểu đoàn 25, phòng hậu cần, đơn vị của anh hiện đóng trên địa bàn của xã TT, thị xã PY, tỉnh TN. Hiện nay lương của anh H1 là 5.000.000đồng/ tháng; Về chỗ ở hiện anh H1 ở tại phòng làm việc, đơn vị không có khu nhà tập thể dành cho cán bộ trong đơn vị. Nếu anh H1 có nuôi con thì phải có sự hỗ trợ từ gia đình.

Xét nguyện vọng nuôi cả hai con chung của chị H và anh H1 đều thực tâm. Tuy nhiên cần xét xét đến điều kiện về chỗ ở, tiền lương, thu nhập của mỗi bên để khi giao con cho cho ai sẽ đảm bảo được quyền lợi của các con chung.

Hiện nay chị H có việc làm và chỗ ở, thu nhập ổn định, chị đi làm theo giờ hành chính, chủ động trong việc nuôi con cũng như việc đưa đón các con đi học. Mặt khác từ khi vợ chồng có con đến nay, chị H là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng các con, hiện nay cả hai con của chị đều đang theo học mầm non gần nơi chị đang ở và công tác, theo chị H cháu Dương Khánh Th, sinh ngày 07/3/2013 là con đầu của anh chị nhưng khi sinh ra cháu sinh thiếu tháng nên việc nuôi cháu gặp rất nhiều khó khăn, cháu rất cần sự chăm sóc của mẹ, còn cháu Dương Minh B, sinh ngày 10/7/2015 đến nay cháu chưa được 3 tuổi, cháu còn nhỏ cũng rất cần sự chăm sóc thường xuyên từ mẹ.

Đối với anh H1 cũng có thu nhập ổn định, nhưng hiện nay anh đang là bộ đội, do tính chất công việc có thể phải thay đổi nơi đóng quân, điều kiện về chỗ ở của anh cũng gặp nhiều khó khăn, anh đang ở tại phòng làm việc, đơn vị không có khu tập thể riêng cho hộ gia đình. Do vậy nếu giao con cho anh H1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng sẽ không đảm bảo quyền lợi cho các con về nơi ăn ở, học tập, chăm sóc cho các con.

Từ những phân tích trên thấy rằng việc giao cả hai con chung cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng sẽ đảm bảo được quyền là lợi ích của các con. Do vậy cần chấp nhận yêu cầu xin nuôi hai con chung của chị H.

[4]. *Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con*: Chị H yêu cầu anh H1 cấp dưỡng nuôi con cho chị 2.000.000đ/ 01con/01 tháng cho đến khi các con trưởng thành 18 tuổi. anh H không đồng ý cấp dưỡng. Theo quy định tại Điều khoản 2 Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình quy định: “ Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con”. Qua xác minh đơn vị anh H1 cung cấp thì anh Hưởng có mức lương là 5.000.000đ. Song tại phiên tòa anh H1 khẳng định thu nhập của anh hiện tại tính đến thời điểm xét xử của anh là 7.680.000đ/ tháng. Hiện nay cả hai con của chị H đều đang theo học tại trường mầm non Hoa Mi – Hà Nội, do đó việc học tập và sinh hoạt của các cháu cũng rất tốn kém. Xét về thực tế anh H1 có mức thu nhập là 7.680.000đ. Do vậy cần chấp nhận yêu cầu của chị H về việc yêu cầu anh H1 cấp dưỡng nuôi con. Buộc anh H1 có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con cho chị H cho đến khi các con trưởng thành đủ 18 tuổi.

[5]. *Về tài sản chung*: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay chị Mai Thị Thu H và anh Dương Văn H đều xác định trong quá trình chung sống vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do vậy Hội đồng xét xử không đặt ra việc giải quyết.

[6]. *Về nợ chung, các khoản cho vay chung*: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay chị Mai Thị Thu H và anh Dương Văn H1 xác định vợ chồng không cho ai vay mượn gì và cũng không nợ gì của ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do vậy Hội đồng xét xử không đặt ra việc giải quyết.

[7]. *Về án phí*: Chị H phải chịu án phí ly hôn, anh H1 phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con, theo quy định của pháp luật.

[9]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, 35, 39, 146, 147, khoản 1 Điều 227, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 33,51, 56,59, 81, 82 83,84 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 48 Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 của UBTVQH 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn, tranh chấp nuôi con của chị Mai Thị Thu H đối với anh Dương Văn H1.

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Mai Thị Thu H với anh Dương Văn H1.

2. Về con chung: Giao cho chị Mai Thị Thu H được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Dương Khánh Th, sinh ngày 07/3/2013 và Dương Minh B, sinh ngày 10/7/2015.

3. Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Buộc anh Dương Văn H1 có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho chị Mai Thị Thu H 1.500.000đ/01con/01tháng (3.000.000đ/ 2 con/01 tháng) cho đến khi cháu Dương Khánh Th và cháu Dương Minh B trưởng thành đủ 18 tuổi. Thời điểm cấp dưỡng tính từ tháng 3 năm 2018.

Anh Dương Văn H1 được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này. Vì lợi ích của con chung khi cần thiết các bên có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

4. Về tài sản chung: Chị Mai Thị Thu H và anh Dương Văn H1 đều xác định: trong quá trình chung sống vợ chồng không có tài sản chung. Nên không đặt ra việc giải quyết.

5. Về nợ chung, các khoản cho vay chung: Chị Mai Thị Thu H và anh Dương Văn H1 đều xác định: trong quá trình chung sống vợ chồng không cho ai vay mượn gì và cũng không nợ gì của ai. Nên không đặt ra việc giải quyết.

6. Về án phí: Chị Mai Thị Thu H phải nộp 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm để sung quỹ Nhà nước, được khấu trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã PY, tại biên lai số 0008376 ngày 28/11/2017. Anh Dương Văn H1 phải nộp 300.000đ án phí về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con để sung quỹ Nhà nước.

Ấn xử công khai sơ thẩm, có mặt các bên đương sự. Báo cho cho các đương sự biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TN;
- VKSND thị xã PY;
- THADS thị xã PY;
- Cổng thông tin điện tử TANDTC;
- UBND xã YX;
- Đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Hà Thị Thu Thủy